TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03-6-2026
v/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu Trang

Ông Ngô Tấn Huy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Văn Hồng Lễ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐHPT – HNGĐ, ngày 14/5/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Đ**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn 03, xã L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: thôn 03, xã L, tỉnh Lâm Đồng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bà Nguyễn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng, vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thể vào năm 2006.

Sau khi cưới bà về nhà ông Nguyễn T làm dâu được 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Cuộc sống hôn nhân của ông bà hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Nguyễn T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ra thuê trọ ở riêng, ông Nguyễn T từ đó bỏ bê vợ con, không chăm lo cho vợ con. Đây là lần thứ 3 bà làm đơn ly hôn với ông Nguyễn T, hai lần trước vì nghĩ đến các con nên bà đã rút đơn về để cho vợ chồng một cơ hội đoàn tụ, nhưng ông Nguyễn T vẫn tính nào tật nấy, không chịu thay đổi, do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Từ năm 2025 đến nay bà và ông Nguyễn T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy đời sống hôn nhân đã không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn T có 04 con chung tên Nguyễn Ng - sinh năm 2006 đã thành niên, Nguyễn H – sinh ngày 11/01/2009, Nguyễn N – sinh ngày 26/9/2013 và Nguyễn H – sinh ngày 10/01/2025. Hiện nay các con chung đang ở với bà Nguyễn Đ, bà Nguyễn Đ xin nhận nuôi con, không yêu cầu ông Nguyễn T cấp dưỡng nuôi con.

Đối với bị đơn ông Nguyễn T: theo biên bản xác minh tại thôn 03, xã L, tỉnh Lâm Đồng thì ông Nguyễn T có đăng ký thường trú tại thôn 03, xã L, tỉnh Lâm Đồng và hiện đang có mặt tại địa phương. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn T theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Nguyễn T từ chối nhận văn bản của Tòa và cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Đ đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn T thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Đ. Giao con chung cho bà Nguyễn Đ muôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Bà Nguyễn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung với ông Nguyễn T, do đó đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn T có nơi cư trú tại thôn 03, xã L, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Tại phiên tòa ông Nguyễn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn T theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn Đ và ông Nguyễn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thể, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận cũ vào năm 2006 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà Nguyễn Đ trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nguyễn T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ra thuê trọ ở riêng, ông Nguyễn T từ đó bỏ bê vợ con, không chăm lo cho vợ con. Từ năm 2025 đến nay bà và ông Nguyễn T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Nguyễn T không chấp hành, điều này chứng tỏ ông Nguyễn T không có Nguyễn Tện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà Nguyễn Đ.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Đ và ông Nguyễn T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội

đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Đ.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Đ và ông Nguyễn T có 04 con chung tên Nguyễn Ng - sinh năm 2006 đã thành niên, Nguyễn H – sinh ngày 11/01/2009, Nguyễn N – sinh ngày 26/9/2013 và Nguyễn H – sinh ngày 10/01/2025. Hiện nay các con đang ở với bà Nguyễn Đ, bà Nguyễn Đ xin nhận nuôi con, không yêu cầu ông Nguyễn T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy từ sau khi được thông báo về yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của bà Nguyễn Đ thì ông Nguyễn T không có ý kiến gì về con chung, hiện nay cháu Huy và cháu Nhi đang sống ổn định với bà Nguyễn Đ và có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ, cháu Hiếu dưới 3 tuổi, do đó cần giao các con chung cho bà Nguyễn Đ tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Đ là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Đ đối với ông Nguyễn T.

Bà Nguyễn Đ được ly hôn với ông Nguyễn T.

3/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn H – sinh ngày 11/01/2009, Nguyễn N – sinh ngày 26/9/2013 và Nguyễn H – sinh ngày 10/01/2025 cho bà Nguyễn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà Nguyễn Đ có quyền khởi kiện ông Nguyễn T về cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

Ông Nguyễn T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4/Về án phí: bà Nguyễn Đ phải nộp **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Nguyễn Đ đã nộp **300.000** đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0002408 ngày 04/02/2026 của Nguyễn T hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, bà Nguyễn Đ đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 14 – Lâm Đồng
- Phòng THADS khu vực 14 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Thị Mỹ Kỷ

TAND KHU VỰC 14

2ZG030626.TL.QDBA
936